

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 25 – 9 – 2020

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

2/ Bà Nguyễn Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 281/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “ Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Lan H, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh S.

Bị đơn: Anh Thạch Sĩ H1, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Trịnh Thị Lan H trình bày:

Chị H với anh Thạch Sĩ H1 kết hôn với nhau năm 2013 (đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 186 ngày 29 tháng 11 năm 2013). Sau khi kết hôn chị H và anh H1 về sống bên gia đình chị H tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh S. Thời gian đầu thì cả hai sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì hai người phát sinh mâu thuẫn do anh H1 bạo lực gia đình. Hai người ly thân từ đó. Trong quá trình chung sống chị H và anh H1 không có con chung và tài sản chung. Chị Trịnh Thị Lan H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Thạch Sĩ H1.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 281/TB-TLVA ngày 25 tháng 12 năm 2019, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Thạch Sĩ H1 nhưng anh H1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị

Trịnh Thị Lan H. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với anh H1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Hal đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt anh Hal và không tiến hành hòa giải được và anh Hal cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Cho chị H ly hôn với anh H1. Về con chung: Không có; tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Lan H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh Thạch Sĩ H1 mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị H và anh H1.

[2] Về nội dung: Chị Trịnh Thị Lan H yêu cầu Toà án cho ly hôn với anh Thạch Sĩ H1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Lan H với anh Thạch Sĩ H1 là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2016 hai bên phát sinh mâu thuẫn, do anh H1 bạo lực gia đình. Hai người ly thân với nhau từ năm 2016, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn cho thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh H1 là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị H yêu cầu nên chị H phải chịu theo luật định.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1/ Chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trịnh Thị Lan H.
- 2/ Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Lan H được quyền ly hôn với anh Thạch Sĩ H1.
- 3/ Về con chung: Không có.
- 4/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trịnh Thị Lan H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.
- 5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Lan H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0001961 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy chị H đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã T, huyện T, tỉnh S;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng